

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-02-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thanh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 324/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số A, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số B, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 11 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn D chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An ngày 03/3/1988.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện nay vợ chồng

không còn chung sống với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về nuôi con chung: Bà và ông D có với nhau 03 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ C sinh năm 1988, Nguyễn Thị Thanh T1 sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Thúy Q sinh năm 1999, hiện các con chung đã trưởng thành, sống tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn D là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn D, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông D cư trú tại huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Bà T, ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D đã phát sinh mâu thuẫn, bà T yêu cầu ly hôn, ông D không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án cũng như không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn, thể hiện việc các đương sự không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Về nuôi con chung: Đương sự có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ C sinh năm 1988, Nguyễn Thị Thanh T1 sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Thúy Q sinh năm 1999, hiện các con chung đã trưởng thành và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn D.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010592 ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh LA;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh L;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duy